

THÔNG TƯ

Quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

- Thành lập, khai trương hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.
- Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.
- Thông báo thông tin về thành lập, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức tài chính vi mô.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.

2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, được thực hiện một hoặc một số hoạt động theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô và quy định của pháp luật.

3. Phòng giao dịch là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, được quản lý bởi một chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở tại địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của tổ chức tài chính vi mô theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô và quy định của pháp luật.

4. Điểm giao dịch là bộ phận phụ thuộc chi nhánh hoặc phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô, không có con dấu và thực hiện một hoặc một số hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

5. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của tổ chức tài chính vi mô. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

6. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

7. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.

8. Vùng nông thôn là khu vực địa giới đơn vị hành chính không bao gồm địa bàn phường.

9. Người đứng đầu là Giám đốc chi nhánh; Giám đốc phòng giao dịch hoặc các chức danh tương đương (sau đây gọi là Giám đốc phòng giao dịch), Trưởng văn phòng đại diện hoặc chức danh tương đương.

10. Thông tin về người đứng đầu bao gồm họ và tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch, loại giấy tờ pháp lý của cá nhân, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc.

11. Thông tin về tên của đơn vị mạng lưới bao gồm tên, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có).

12. Thông tin về địa chỉ của đơn vị mạng lưới bao gồm địa chỉ, điện thoại, fax, email, website (nếu có).

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô

1. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:
 - a) Chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô;
 - b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô;
 - c) Chấp thuận các nội dung về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô để thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt trên cơ sở trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.
2. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:
 - a) Chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;
 - b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.
3. Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:
 - a) Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn, bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động;
 - b) Chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 5. Quy định về điểm giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định và chịu trách nhiệm về việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch do chi nhánh, phòng giao dịch quản lý trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch đó theo Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch và quy định tại Thông tư này. Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch phải được thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi điểm giao dịch hoạt động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tài chính vi mô quyết định mở hoặc chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch.
Điểm giao dịch phải đảm bảo an toàn giao dịch và điều chuyển tiền. Cuối ngày giao dịch, điểm giao dịch phải chuyển toàn bộ hồ sơ, chứng từ và tiền về chi nhánh hoặc phòng giao dịch nơi điểm giao dịch trực thuộc để hạch toán, lưu trữ.
2. Chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô chỉ được thực hiện một hoặc một số hoạt động sau tại điểm giao dịch:
 - a) Nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu khách hàng;
 - b) Tư vấn, hướng dẫn việc thành lập nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn (sau đây gọi là tổ vay vốn);
 - c) Tư vấn, hướng dẫn cho khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ, hồ sơ vay vốn; tiếp nhận hồ sơ vay vốn; giải ngân và thu nợ đối với những hợp đồng tín dụng đã ký giữa chi nhánh hoặc phòng giao dịch với khách hàng;

d) Nhận tiền gửi tự nguyện trực tiếp bằng tiền mặt của một khách hàng tài chính vì mô không quá 1,5 triệu đồng trong 01 ngày;

đ) Chi trả tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vì mô.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu tiên hằng quý, tổ chức tài chính vì mô hoặc chi nhánh của tổ chức tài chính vì mô gửi văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tài chính vì mô. Văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Danh sách các điểm giao dịch hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố tính đến hết ngày làm việc cuối cùng của quý trước, trong đó có các thông tin về tên chi nhánh, phòng giao dịch chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điểm giao dịch và địa điểm nơi điểm giao dịch hoạt động;

b) Danh sách các điểm giao dịch đã mở và chấm dứt hoạt động trong quý trước.

Điều 6. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp

Đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vì mô thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vì mô, bao gồm:

1. Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng công nghệ cho tổ chức tài chính vì mô.
2. Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho người điều hành, lãnh đạo các phòng, ban và nhân viên của tổ chức tài chính vì mô.
3. Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vì mô.
4. Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vì mô phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Địa bàn, hoạt động và tên chi nhánh, phòng giao dịch

1. Chi nhánh của tổ chức tài chính vì mô hoạt động trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh và cho vay đối với khách hàng bao gồm:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có thu nhập thấp, cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, cá nhân có thu nhập thấp cư trú trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh;

b) Doanh nghiệp siêu nhỏ hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh;

c) Thành viên của tổ vay vốn được thành lập trên phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

2. Phòng giao dịch hoạt động trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý.

3. Tên chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vì mô phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và được đặt như sau:

a) Tên chi nhánh: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô - Chi nhánh (tên chi nhánh);

b) Tên phòng giao dịch: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô - Chi nhánh (tên chi nhánh quản lý phòng giao dịch) - Phòng giao dịch (tên Phòng giao dịch).

4. Trường hợp thay đổi địa giới đơn vị hành chính dẫn đến thay đổi địa bàn hoạt động của chi nhánh hoặc phòng giao dịch, thay đổi địa chỉ của trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh địa bàn hoạt động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trước khi có sự thay đổi địa giới đơn vị hành chính) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi địa giới đơn vị hành chính của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch

1. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo:

$$03 \text{ tỷ đồng} \times N + 1,5 \text{ tỷ đồng} \times M1 + 01 \text{ tỷ đồng} \times M2 < C$$

Trong đó:

- C là giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô được xác định bằng vốn điều lệ cộng (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị.

- N là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập.

- M1 là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực không phải là vùng nông thôn.

- M2 là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại vùng nông thôn.

2. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập thuộc các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này được căn cứ vào khu vực địa giới đơn vị hành chính nơi đặt, dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

3. Ngoài đáp ứng quy định về tổng số lượng chi nhánh quy định tại khoản 1 Điều này, số lượng chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô được thành lập phải đảm bảo các quy định sau:

a) Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị được thành lập không quá 02 chi nhánh trong một năm tài chính;

b) Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị được thành lập không quá 03 chi nhánh trong một năm tài chính.

4. Số lượng phòng giao dịch được quản lý bởi một chi nhánh do tổ chức tài chính vi mô tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của mỗi chi nhánh nhưng phải đảm bảo một chi nhánh quản lý không quá 05 phòng giao dịch.

Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi hồ sơ, thông báo

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

2. Văn bản đề nghị, thông báo của tổ chức tài chính vi mô phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của tổ chức tài chính vi mô ủy quyền ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ của tổ chức tài chính vi mô được gửi tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực bằng một trong những hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

Khi nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc trên Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF). Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

Điều 10. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch để đảm bảo hoạt động

của chi nhánh, phòng giao dịch và hoạt động tại điểm giao dịch an toàn, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch phải do Hội đồng thành viên của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Hạn mức giao dịch đối với từng cấp quản lý tại chi nhánh, phòng giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ hoặc nhóm sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;

b) Cơ chế quản lý, giám sát và chế độ thông tin, báo cáo giữa trụ sở chính với chi nhánh và giữa phòng giao dịch với chi nhánh quản lý phòng giao dịch;

c) Tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc;

d) Quy định về kho quỹ, phòng cháy, chữa cháy, điều chuyển tiền và lưu trữ chứng từ để đảm bảo an ninh, an toàn tài sản, trong đó quy định cụ thể mức tồn quỹ cuối ngày của chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào điều kiện thực tiễn hoạt động và điều kiện an ninh, an toàn của chi nhánh, phòng giao dịch đó. Số tiền tồn quỹ cuối ngày vượt mức quy định phải gửi vào tài khoản ngân hàng của tổ chức tài chính vi mô.

3. Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch phải do Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Các tiêu chí lựa chọn điểm giao dịch phù hợp với đặc thù hoạt động, đảm bảo kiểm soát rủi ro, an toàn và hiệu quả trong quá trình hoạt động;

b) Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch bao gồm trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó có phân cấp, ủy quyền quyết định (nếu có);

c) Phạm vi hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó quy định cụ thể về hạn mức giao dịch tại từng điểm giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;

d) Quy trình thực hiện các giao dịch nhận, chi trả tiền gửi, tiếp nhận hồ sơ, giải ngân, thu nợ vay, quyền và trách nhiệm của nhân viên tổ chức tài chính vi mô tại điểm giao dịch;

đ) Các biện pháp đảm bảo an toàn đối với con người; đảm bảo an ninh, an toàn trong việc điều chuyển tiền, chứng từ và các tài sản khác trong quá trình hoạt động tại điểm giao dịch.

4. Tổ chức tài chính vi mô phải rà soát định kỳ các quy chế quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này tối thiểu một năm một lần và sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết) đảm bảo phù hợp với hoạt động trong từng thời kỳ.

Chương II

THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Mục 1

ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 11. Điều kiện thành lập chi nhánh

1. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

c) Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị;

d) Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị;

e) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

g) Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

h) Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị;

i) Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị;

k) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

l) Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này;

m) Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

n) Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

2. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liền tiếp liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng);

d) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

đ) Các quy định tại các điểm c, d, g, h, i, k, l, m, n khoản 1 Điều này.

Điều 12. Điều kiện thành lập phòng giao dịch

1. Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Đáp ứng yêu cầu về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

b) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

Điều 13. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

2. Các điều kiện quy định tại điểm c, g, h, i khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

3. Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

Mục 2

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

3. Đề án thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã), nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;

b) Cơ cấu tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch; dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

c) Tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch);

d) Văn bản thỏa thuận hoặc Văn bản ghi nhớ giữa tổ chức tài chính vi mô và tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính quyền địa phương về việc phối hợp cho vay thông qua tổ vay vốn;

đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm:

- (i) Phân tích môi trường kinh doanh (cơ hội, thách thức);
- (ii) Đối tượng khách hàng và sản phẩm dự kiến cung cấp;
- (iii) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

4. Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở dự kiến, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

b) Lý do thành lập;

c) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

d) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong năm đầu hoạt động.

5. Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô

1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh

có ý kiến về sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

5. Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập quy định tại khoản 5 Điều này, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động chi nhánh. Quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 16. Trình tự chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng loại hình mạng lưới theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét, chấp thuận.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về:

a) Sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm phòng giao dịch;

b) Các địa bàn dự kiến mở phòng giao dịch;

c) Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

4. Trong thời hạn 45 ngày (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch) hoặc 35 ngày (đối với trường hợp thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có

văn bản chấp thuận đề nghị thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.

Mục 3

KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG, CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ VIỆC THÀNH LẬP

Điều 17. Khai trương hoạt động

1. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đã công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;
- b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch;
- c) Trụ sở chi nhánh có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Phòng giao dịch có két quỹ đảm bảo an toàn theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;
- d) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê;
- đ) Có đủ nhân sự chủ chốt tối thiểu, gồm: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch này không được kiêm nhiệm Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch khác và Giám đốc chi nhánh không được kiêm nhiệm Giám đốc phòng giao dịch;
- e) Giám đốc chi nhánh đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. Giám đốc phòng giao dịch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với Giám đốc chi nhánh theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;

g) Có Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

b) Có nhân sự chủ chốt theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô.

3. Tổ chức tài chính vi mô phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các văn bản sau:

a) Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định tại Điều 10 Thông tư này trong trường hợp khai trương chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Văn bản thông báo về các nội dung sau:

(i) Ngày dự kiến khai trương hoạt động;

(ii) Việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

(iii) Thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 18. Công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Trong thời hạn 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố các thông tin sau:

a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động và thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Tổ chức tài chính vi mô phải công bố các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trên:

a) Trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có liên quan của tổ chức tài chính vi mô;

b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

c) 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

Chương III

THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH

Điều 19. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc thay đổi thông tin về tên của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi.

Điều 20. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư này và địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

2. Tổ chức tài chính vi mô không được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch từ vùng nông thôn đến khu vực không phải vùng nông thôn trừ trường hợp do thay đổi địa giới đơn vị hành chính. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch thuộc vùng nông thôn căn cứ vào khu vực địa giới đơn vị hành chính tại thời điểm đề nghị thay đổi địa điểm và tại thời điểm chấp thuận.

3. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do chuyển địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

4. Trình tự chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét, chấp thuận;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc

đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất 20 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này mà không hoạt động tại địa điểm mới, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 21. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới.

Điều 22. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch. Chi nhánh dự kiến tiếp nhận quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch, trong đó báo cáo cụ thể việc đáp ứng các điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức tài chính vi mô về việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch kiểm tra, yêu cầu tổ chức tài chính vi mô không thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trong trường hợp chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch không đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư này.

Điều 23. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố các thông tin sau:

a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm mới và thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Tổ chức tài chính vi mô phải công bố các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trên:

a) Trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của tổ chức tài chính vi mô;

b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

c) 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 7, Điều 19, Điều 21, Điều 22 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải công bố quyết định của tổ chức tài chính vi mô về các nội dung thay đổi này trên trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của tổ chức tài chính vi mô.

Chương IV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 24. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm:

a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;

b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động, giải thể tổ chức tài chính vi mô.

Điều 26. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Trình tự chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

4. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước

chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 27. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thực dẫn đến đánh giá sai về việc đáp ứng đủ điều kiện thành lập;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch khi chưa được chấp thuận bằng văn bản;

c) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô có văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh) hoặc gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô, trong đó nêu rõ lý do đề nghị.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong quá trình giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh) yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

5. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tài chính vi mô phải có phương án xử lý phòng giao dịch, điểm giao dịch do chi nhánh đó quản lý để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này.

Điều 28. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định tại Điều 25 Thông tư này), tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố các thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể;
- b) Ngày chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Tổ chức tài chính vi mô phải công bố các thông tin quy định tại các khoản 1 Điều này trên:

- a) Trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của tổ chức tài chính vi mô;
- b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;
- c) 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

Chương V

THÔNG BÁO CHO CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 29. Tổ chức tài chính vi mô cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi người đứng đầu, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi thông tin về người đứng đầu theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Thông tư này, thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

Điều 30. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 4 Điều 7, khoản 5 Điều 20, khoản 2 Điều 21 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 19, khoản 2 Điều 21, Điều 29 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tài chính vi mô quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo báo cáo của tổ chức tài chính vi mô cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ.

2. Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

3. Có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước để công bố thông tin theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18, điểm b khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 2 Điều 28 Thông tư này.

4. Chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn.

5. Quản lý, giám sát thường xuyên hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch.

6. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 20, Điều 26 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

3. Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn, trong đó bao gồm cả thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc trong trường hợp xét thấy cần thiết việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động, thay đổi địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch sau khi tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

4. Xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo, báo cáo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông tin về các nội dung sau:

a) Việc khai trương chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

b) Việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

c) Việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch;

d) Việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

6. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này.

Điều 33. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mối tiếp nhận, xem xét và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 15, Điều 27 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

c) Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 16, Điều 27 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

d) Đầu mối xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

đ) Cung cấp văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh;

g) Tiếp nhận báo cáo, thông báo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực và tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 4 Điều 27, khoản 5 Điều 32 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước các thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Điều 18, Điều 23, Điều 28 Thông tư này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh số lượng chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Trường hợp thành lập mới đơn vị mạng lưới thì phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô được bổ nhiệm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ các chức danh theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết thời hạn được bổ nhiệm.

3. Chi nhánh, phòng giao dịch chưa đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 17 Thông tư này phải có biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.
2. Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. *Bul*

Nơi nhận:

- Như Điều 36;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, ATHT4. *✓*

BT. **THÔNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đoàn Thái Sơn

Phụ lục

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch,
văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 11/7/2025 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC
TÀI CHÍNH VI MÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/
PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tổ chức tài chính vi mô.....(tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị thành lập

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Chi nhánh thứ nhất:

1.1.1. Tên chi nhánh:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

1.1.3. Chi nhánh thuộc/không thuộc vùng nông thôn.

1.2. Chi nhánh thứ n: (nội dung khai tương tự chi nhánh thứ nhất)

2. Thành lập phòng giao dịch:

2.1. Phòng giao dịch thứ nhất:

2.1.1. Tên phòng giao dịch:

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).
- b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

2.1.3. Phòng giao dịch thuộc/không thuộc vùng nông thôn.

2.1.4 Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

2.2. *Phòng giao dịch thứ n: (nội dung khai tương tự phòng giao dịch thứ nhất)*

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc tổ chức tài chính vi mô đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp:

A. Đối với điều kiện thành lập chi nhánh: (liệt kê các nội dung sau theo từng chi nhánh dự kiến thành lập)

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm.....đã được kiểm toán:.....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%.

1.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

1.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.12. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh được phép thành lập.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....
- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....
- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

1.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Có giá trị thực của vốn điều lệ tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

2.2. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

Kết quả kinh doanh tại thời điểm..... là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

2.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô liên tục trong các tháng trước tháng đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng).

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%.

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

2.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

2.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.12. Đảm bảo quy định về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

2.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động (nếu có).

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

B. Đối với điều kiện thành lập phòng giao dịch: (liệt kê các nội dung sau theo từng phòng giao dịch dự kiến thành lập)

1. Điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm.....đã được kiểm toán:.....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

1.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

1.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của

pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.12. Đảm bảo quy định về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng phòng giao dịch đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

1.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2. Điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch:

2.1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Ngày khai trương hoạt động chi nhánh:.....

- Thời điểm đề nghị:

2.2. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.3 Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.4. Số lượng phòng giao dịch đang quản lý.

- Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý:....

- Số lượng phòng giao dịch dự kiến chi nhánh sẽ quản lý:

C. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:....

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):....

4. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

6. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ này.

- Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

Đính kèm hồ sơ

(Ghi danh mục tài liệu kèm theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

(Ký, ghi rõ tên, chức danh và đóng dấu)